



Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN – HÀM

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(Đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006, đăng kí thay đổi lần thứ 7 ngày 13/06/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Minh Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Đông Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Nhật	Thành viên
Ông Đặng Khắc Nhiên	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Minh Vũ	Giám đốc	
Ông Lê Đông Hà	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Nhật	Phó Giám đốc	
Ông Tống Trần Long	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024
Ông Đặng Khắc Nhiên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2024

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Ông Ngô Nam Hà	Trưởng ban
Ông Trần Trường Phi	Thành viên
Bà Lê Thị Hương Đào	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Minh Vũ - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hầm

Số 278 Phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Vũ
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Số: 250325.041/BCTC.FIS2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hầm**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hầm (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hầm tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**Đỗ Mạnh Cường**
Phó Tổng Giám đốcGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1**Nguyễn Tiến Sự**
Kiểm toán viênGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5162-2024-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

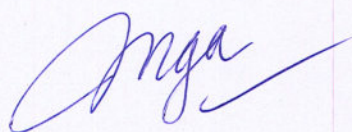


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		189.201.397.227	179.996.137.588
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	33.465.631.968	20.525.144.399
111	1. Tiền		33.465.631.968	20.525.144.399
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		14.311.000.000	14.311.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	14.311.000.000	14.311.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.961.738.068	98.601.172.361
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9	91.314.972.193	82.671.731.014
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	11.779.692.395	10.037.366.941
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	6.837.872.280	7.907.673.506
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(1.970.798.800)	(2.015.599.100)
140	IV. Hàng tồn kho		33.463.027.191	45.665.664.068
141	1. Hàng tồn kho	7	33.463.027.191	45.665.664.068
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	893.156.760
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	893.156.760
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.743.622.917	6.081.117.697
220	I. Tài sản cố định	10	3.570.114.525	4.028.345.781
221	1. Tài sản cố định hữu hình		3.210.008.141	3.555.593.801
222	- Nguyên giá		15.063.252.510	14.456.416.146
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.853.244.369)	(10.900.822.345)
227	2. Tài sản cố định vô hình		360.106.384	472.751.980
228	- Nguyên giá		2.730.648.441	2.730.648.441
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.370.542.057)	(2.257.896.461)
260	II. Tài sản dài hạn khác		1.173.508.392	2.052.771.916
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.173.508.392	2.052.771.916
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		193.945.020.144	186.077.255.285

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		163.703.479.567	155.733.697.772
310	I. Nợ ngắn hạn		163.703.479.567	155.733.697.772
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	37.584.633.163	33.482.484.326
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	59.867.010.838	70.759.874.206
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.205.867.458	2.373.656.199
314	4. Phải trả người lao động	13	11.851.442.957	9.197.079.129
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	46.581.230.224	33.894.588.985
321	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	15	2.000.000.000	2.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.613.294.927	4.026.014.927
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.241.540.577	30.343.557.513
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	30.241.540.577	30.343.557.513
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		18.000.000.000	18.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		18.000.000.000	18.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.241.540.577	12.343.557.513
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.325.479.713	1.619.886.918
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		9.916.060.864	10.723.670.595
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		193.945.020.144	186.077.255.285



Nguyễn Thanh Nga
Người lập biểu



Bùi Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Vũ
Giám đốc

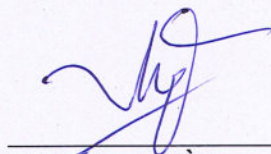
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ		156.756.319.173	170.410.427.040
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		284.683.914	384.528.496
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		156.471.635.259	170.025.898.544
11	4. Giá vốn cung cấp dịch vụ		126.133.398.612	144.628.008.546
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	18	30.338.236.647	25.397.889.998
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	923.156.227	707.283.614
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	18.087.285.766	12.638.870.114
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.174.107.108	13.466.303.498
31	11. Thu nhập khác		3.000.000	527.608.020
32	12. Chi phí khác		563.214.423	532.953.823
40	13. Lợi nhuận khác		(560.214.423)	(5.345.803)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.613.892.685	13.460.957.695
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	2.697.831.821	2.737.287.100
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.916.060.864	10.723.670.595
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	5.509	5.958



Nguyễn Thanh Nga
Người lập biểu



Bùi Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

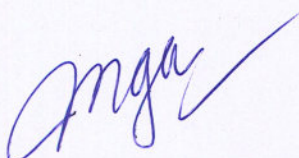


Nguyễn Minh Vũ
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		148.903.853.603	178.612.172.472
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ		(48.759.025.228)	(90.699.781.753)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(44.720.662.611)	(50.880.153.780)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.061.312.661)	(3.027.563.805)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.162.288.904	1.477.253.554
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(33.382.756.107)	(43.900.446.195)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20.142.385.900	(8.418.519.507)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(606.836.364)	(839.291.636)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(3.111.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	3.111.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		923.156.227	707.283.614
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		316.319.863	(132.008.022)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.518.218.194)	(6.568.463.007)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.518.218.194)	(6.568.463.007)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.940.487.569	(15.118.990.536)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.525.144.399	35.644.134.935
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	33.465.631.968	20.525.144.399



Nguyễn Thanh Nga
Người lập biểu



Bùi Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Vũ
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13/06/2022.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 18.000.000.000 VND, tương đương 1.800.000 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phiếu là 10.000 VND.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là tư vấn, thiết kế các công trình cầu, hầm, giao thông đường bộ; tư vấn giám sát thi công, thử tải, đánh giá chất lượng công trình giao thông.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính theo đó Ban Giám đốc sẽ có những ước tính và giả định phù hợp với số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi;
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- ▶ Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- ▶ Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp;
- ▶ Ước tính thời gian phân bổ chi phí trả trước.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm, căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp đích danh.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại..

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07 năm
▶ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm
▶ Chương trình phần mềm máy tính	04 năm
▶ TSCĐ khác	05 - 07 năm

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty gồm :

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường; với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 năm.
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 đến 03 năm.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- ▶ Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- ▶ Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá dịch vụ.

Các khoản giảm giá dịch vụ phát sinh cùng năm thực hiện dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp dịch vụ đã thực hiện từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.15 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý cả tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	121.294.677	19.665.599
Tiền gửi ngân hàng	33.344.337.291	20.505.478.800
	33.465.631.968	20.525.144.399

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.200.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	3.111.000.000	3.111.000.000
	14.311.000.000	14.311.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2024 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng với lãi suất từ 3,0% - 4,5%/năm.

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	2.071.860.381	1.977.063.774
Công ty CP Tư vấn xây dựng Công trình giao thông 5	1.178.627.274	1.178.627.274
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải 4	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	244.800.000	244.800.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Đường bộ	53.636.500	53.636.500
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	94.796.607	-
Bên khác	9.707.832.014	8.060.303.167
Công ty CP Khảo sát và Xây dựng Long Thành	3.556.139.511	1.079.882.528
Công ty CP 1285	977.000.000	977.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông 7	685.460.830	1.601.160.330
Khác	4.489.231.673	4.402.260.309
	11.779.692.395	10.037.366.941

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tạm ứng	5.063.211.000	4.691.453.106
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	887.781.872	1.326.357.331
Tạm ứng hợp đồng cho chuyên gia thuê ngoài	297.892.480	1.192.397.400
Phải thu khác	588.986.928	697.465.669
	6.837.872.280	7.907.673.506

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	24.161.416	33.708.882
Công cụ, dụng cụ	221.829	221.829
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.438.643.946	45.631.733.357
- Gói thầu 01: Khảo sát, lập hồ sơ TKKT và DT - TK BVTC Dự án cầu Phước An	4.840.423.188	11.000.380.922
- Gói thầu số 05/TP3-TVTH: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng cầu Hoài Thượng và đoạn tuyến nối 9,7km (bao gồm hoàn thiện nút Tây Nam và nút giao cao tốc Nội Bài - Hạ Long) (áp dụng lập mô hình thông tin công trình (BIM))	2.341.520.220	-
- TVKS, lập TKKT Dự án thành phần đoạn Hậu Giang thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Giai đoạn 1	296.889.563	2.822.643.822
- Dự án khác	25.959.810.975	31.808.708.613
	33.463.027.191	45.665.664.068

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	274.773.458	141.100.595
Chi phí sửa chữa	42.469.267	588.351.654
Chi phí chờ kết chuyển	856.265.667	1.323.319.667
	1.173.508.392	2.052.771.916

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	1.143.127.800	(1.063.255.100)	1.185.763.800	(1.146.491.100)
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	465.882.000	(465.882.000)	465.882.000	(465.882.000)
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Đường bộ	405.736.800	(405.736.800)	405.736.800	(405.736.800)
Công ty CP Tư vấn xây dựng Công trình giao thông 2	230.909.000	(191.636.300)	230.909.000	(191.636.300)
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Cầu đường	-	-	42.636.000	(42.636.000)
Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	40.600.000	-	40.600.000	(40.600.000)
Bên khác	90.171.844.393	(907.543.700)	81.485.967.214	(869.108.000)
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Hải Phòng	10.558.343.922	-	13.808.412.934	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa	9.408.392.000	-	-	-
Ban QLDA Giao thông 7	4.332.381.000	-	4.187.830.000	-
Các đối tượng khác	65.872.727.471	(907.543.700)	63.489.724.280	(869.108.000)
	91.314.972.193	(1.970.798.800)	82.671.731.014	(2.015.599.100)

10. Tài sản cố định ("TSCĐ")

	TSCĐ Vô hình		TSCĐ Hữu hình				Tổng VND
	Phần mềm máy tính VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2024	2.730.648.441	3.381.708.470	2.693.248.038	5.615.116.677	1.196.623.667	1.569.719.294	14.456.416.146
Mua mới trong năm	-	-	556.836.364	-	50.000.000	-	606.836.364
Tại ngày 31/12/2024	2.730.648.441	3.381.708.470	3.250.084.402	5.615.116.677	1.246.623.667	1.569.719.294	15.063.252.510
Hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2024	2.257.896.461	2.737.747.833	2.057.775.637	3.641.233.232	894.346.349	1.569.719.294	10.900.822.345
Khấu hao trong năm	112.645.596	131.979.672	272.359.668	414.043.710	134.038.974	-	952.422.024
Tại ngày 31/12/2024	2.370.542.057	2.869.727.505	2.330.135.305	4.055.276.942	1.028.385.323	1.569.719.294	11.853.244.369
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2024	472.751.980	643.960.637	635.472.401	1.973.883.445	302.277.318	-	3.555.593.801
Tại ngày 31/12/2024	360.106.384	511.980.965	919.949.097	1.559.839.735	218.238.344	-	3.210.008.141

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.081.501.767 VND.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.184.920.441 VND.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	5.760.634.864	6.734.355.217
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Kiểm định và Địa kỹ thuật	3.453.860.000	3.942.790.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Cầu đường	820.675.000	820.675.000
Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải	807.459.864	767.331.308
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Đường bộ	381.270.000	381.270.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải 4	297.370.000	822.288.909
Bên khác	31.823.998.299	26.748.129.109
Công ty CP Khảo sát và Xây dựng Long Thành	11.316.710.521	9.837.752.219
Công ty CP 1285	5.327.567.858	3.627.071.513
Khác	15.179.719.920	13.283.305.377
	37.584.633.163	33.482.484.326

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	81.600.000	81.600.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	81.600.000	81.600.000
Bên khác	59.785.410.838	70.678.274.206
Ban QLDA Chuyên ngành giao thông Bà Rịa Vũng Tàu	6.299.758.000	701.000.000
Ban QLDA Giao thông khu vực cảng Cái Mép - Thị Vải	1.170.266.125	13.779.314.160
Khác	52.315.386.713	56.197.960.046
	59.867.010.838	70.759.874.206

13. Phải trả người lao động

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả người lao động	11.851.442.957	9.197.079.129
	11.851.442.957	9.197.079.129

Trong đó thông tin về số lao động, quỹ lương người lao động và thu nhập bình quân như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng số lao động bình quân (người)	140	140
Quỹ lương người lao động (VND)	42.504.669.531	45.452.400.000
Tiền lương bình quân tháng (VND/người/tháng)	25.300.398	27.055.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Năm 2024		31/12/2024
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	7.376.681.987	6.561.102.296	815.579.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp	677.287.100	2.564.122.547	3.061.312.661	180.096.986
Thuế thu nhập cá nhân	1.696.369.099	2.837.900.187	4.324.078.505	210.190.781
Các loại thuế khác	-	10.461.541	10.461.541	-
	2.373.656.199	12.789.166.262	13.956.955.003	1.205.867.458

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích dự phòng quỹ tiền lương	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả chi phí các phòng ban	39.791.244.692	24.677.348.461
Khác, trong đó:	6.789.985.532	9.217.240.524
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	743.119.603	814.288.157
- Bên khác	6.046.865.929	8.402.952.367
	46.581.230.224	33.894.588.985

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	18.000.000.000	11.470.811.381	29.470.811.381
Lợi nhuận năm trước	-	10.723.670.595	10.723.670.595
Phân phối lợi nhuận	-	(9.850.924.463)	(9.850.924.463)
Tại ngày 31/12/2023	18.000.000.000	12.343.557.513	30.343.557.513
Lợi nhuận năm nay	-	9.916.060.864	9.916.060.864
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch năm 2020	-	168.840.200	168.840.200
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(10.186.918.000)	(10.186.918.000)
Tại ngày 31/12/2024	18.000.000.000	12.241.540.577	30.241.540.577

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 316-NQ/CLH-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100	10.723.670.595
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 4.170đ)	70	7.506.000.000
Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	5	536.184.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	1.608.550.000
Quỹ doanh số bán hàng	5	536.184.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5	536.752.595

b) Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	9.180.000.000	51	9.180.000.000	51
Các cổ đông khác	8.820.000.000	49	8.820.000.000	49
	18.000.000.000	100	18.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	12.218.194	10.681.201
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	7.506.000.000	6.570.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	7.506.000.000	6.570.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả	(7.518.218.194)	(6.568.463.007)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	7.518.218.194	6.568.463.007
Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	12.218.194

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu

18. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu	156.756.319.173	170.410.427.040
Doanh thu	156.756.319.173	170.410.427.040
Các khoản giảm trừ doanh thu	284.683.914	384.528.496
Giá vốn	126.133.398.612	144.628.008.546
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	30.338.236.647	25.397.889.998
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu với bên liên quan	577.845.455	1.195.677.527
- Giá vốn mua từ bên liên quan (Thuyết minh 25)	1.020.998.100	2.444.042.234

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	923.156.227	707.283.614
	923.156.227	707.283.614

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.177.276.629	8.357.873.787
Chi phí vật liệu quản lý	182.394.044	92.954.842
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	140.833.491	83.053.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.832.742	460.544.350
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	1.955.199.700	(2.314.283.582)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.448.239.464	4.265.877.398
Chi phí bằng tiền khác	1.776.509.696	1.689.850.012
Trong đó: phí quản lý thương hiệu (*)	330.757.000	378.676.000
	18.087.285.766	12.638.870.114
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Thuyết minh 25)	2.331.643.801	2.324.704.491

(*) Theo hợp đồng số 752/2024/HĐKT/TEDI-BRITEC ngày 20/03/2024 về việc tổ chức các hoạt động chung và chi phí quản lý, duy trì phát triển Thương hiệu năm 2024 của nhóm Công ty TEDI.

21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.162.420.296	9.592.603.932
Chi phí nhân công	49.719.190.934	44.441.113.257
Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	2.216.589.899	2.135.931.626
Chi phí dự phòng	1.955.199.700	(2.314.283.582)
Chi phí khấu hao TSCĐ	917.690.574	959.609.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.366.287.845	35.011.071.012
Chi phí khác bằng tiền	15.467.413.177	14.299.112.120
Chi phí thầu phụ	25.222.802.542	57.409.583.695
	132.027.594.967	161.534.741.258

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận trước thuế	12.613.892.685	13.460.957.695
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	<i>875.266.423</i>	<i>752.985.823</i>
Thu nhập chịu thuế	13.489.159.108	14.213.943.518
Điều chỉnh giảm các khoản đã ấn định thuế theo biên bản kiểm tra thuế năm 2023	-	(527.508.020)
Thu nhập tính thuế	13.489.159.108	13.686.435.498
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	2.697.831.821	2.737.287.100
Điều chỉnh theo biên bản kiểm tra và công văn thuế năm 2024	35.130.926	-
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch năm 2023	-	218.843.899
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch năm 2020	(168.840.200)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	677.287.100	748.719.906
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.061.312.661)	(3.027.563.805)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	180.096.986	677.287.100

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	9.916.060.864	10.723.670.595
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.509	5.958

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

24. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty và mối quan hệ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Đường bộ	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn xây dựng Công trình giao thông 2	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Cầu đường	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Kiểm định và Địa kỹ thuật	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải 4	Cùng công ty mẹ
Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn xây dựng Công trình giao thông 5	Cùng công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	577.845.455	1.195.677.527
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	330.345.455	1.195.677.527
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Đường bộ	247.500.000	-
Giá vốn mua dịch vụ	1.020.998.100	2.444.042.234
Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông	276.442.181	1.620.007.689
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Cầu đường	-	503.726.363
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Kiểm định và Địa kỹ thuật	744.555.919	320.308.182
Chi phí quản lý thương hiệu và dịch vụ chung khác	2.331.643.801	2.324.704.491
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	2.331.643.801	2.324.704.491

Lương của Ban Giám đốc điều hành, Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Qũy lương, thưởng của Ban giám đốc điều hành	5.201.731.000	5.813.700.490
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.084.211.000	687.119.000
	6.285.942.000	6.500.819.490

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

26. Số liệu so sánh

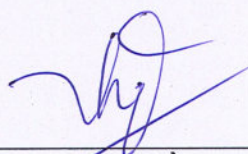
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

27. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2025.



Nguyễn Thanh Nga
Người lập biểu



Bùi Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Vũ
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

